

I. PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH NHƯ THẾ NÀO VỀ QUYỀN BẤT KHẢ XÂM PHẠM VỀ CHỖ Ở CỦA CÔNG DÂN

Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân được quy định tại Điều 22 Hiến pháp năm 2013, như sau:

1. Công dân có quyền có nơi ở hợp pháp.
2. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý.
3. Việc khám xét chỗ ở do luật định.

Để đảm bảo việc thực hiện quyền này, Điều 12 Luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định:

Không ai được xâm phạm trái pháp luật chỗ ở của công dân. Việc khám xét chỗ ở cũng như khám xét, tạm giữ và thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác phải được thực hiện theo quy định của Bộ luật này.

II. A NGHI NGỜ CHỒNG NGOẠI TÌNH VỚI B. VÌ GỌI ĐIỆN NHIỀU LẦN CHỒNG KHÔNG BẮT MÁY, A NGHĨ CHỒNG ĐANG Ở NHÀ B, A ĐÃ CHONGƯỜI ĐẾN PHÁ CỬA, XÔNG VÀO NHÀ B, TÌM XUNG QUANH NHƯNG KHÔNG CÓ AI Ở TRONG NHÀ. THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT THÌ A CÓ THỂ BỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÌ XÂM NHẬP TRÁI PHÁP LUẬT VÀO CHỖ Ở CỦA B KHÔNG?

Theo quy định tại Khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ

luật hình sự năm 2015 thì người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây xâm phạm chỗ ở của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

- Khám xét trái pháp luật chỗ ở của người khác;
- Đuổi trái pháp luật người khác ra khỏi chỗ ở của họ;
- Chiếm giữ chỗ ở hoặc cản trở trái pháp luật người đang ở hoặc người đang quản lý hợp pháp vào chỗ ở của họ;
- Xâm nhập trái pháp luật chỗ ở của người khác.

Vậy, A có thể bị xử lý trách nhiệm hình sự vì xâm nhập trái pháp luật vào chỗ ở của B.

III. TRÌNH TỰ KHÁM XÉT CHỖ Ở CỦA CÔNG DÂN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.

Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định : Việc khám



xét người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện chỉ được tiến hành khi có căn cứ để nhận định trong người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, dữ liệu điện tử, tài liệu khác có liên quan đến vụ án. Việc khám xét chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện cũng được tiến hành khi cần phát hiện người đang bị truy nã, truy tìm và giải cứu nạn nhân.

Việc khám chỗ ở phải tuân thủ quy định tại Điều 193 và Khoản 1 Điều 195 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về thẩm quyền ra lệnh khám xét và khám xét chỗ ở, theo đó:

1. Về thẩm quyền ra lệnh khám xét
 - Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp. Trường hợp này, lệnh khám xét phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành;
 - Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp;
 - Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân và Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quân sự các cấp; Hội đồng xét xử.
 - Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quy định tại khoản 2 Điều 35 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 phải được Viện kiểm sát có

thẩm quyền phê chuẩn trước khi thi hành.

2. Trong trường hợp khẩn cấp, những người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 110 của Bộ luật này có quyền ra lệnh khám xét, bao gồm:

- Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp;

- Thủ trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương, Đồn trưởng Đồn biên phòng, Chỉ huy trưởng Biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Cục trưởng Cục trinh sát biên phòng Bộ đội biên phòng, Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng; Tư lệnh vùng lực lượng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và pháp luật lực lượng Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy lực lượng Cảnh sát biển; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng;

- Người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi khám xét xong, người ra lệnh khám xét phải thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ việc, vụ án.

3. Trước khi tiến hành khám xét, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp về thời gian và địa điểm tiến hành khám xét để cử Kiểm sát viên kiểm sát việc khám xét, trừ trường hợp khám xét khẩn cấp. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc khám xét. Nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì ghi rõ vào biên bản khám xét.

4. Mọi trường hợp khám xét đều được lập biên bản theo quy định và đưa vào hồ sơ vụ án.

5. Khi khám xét chỗ ở thì phải có mặt người đó hoặc người từ đủ 18 tuổi trở lên cùng chỗ ở, có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn và người chứng kiến; trường hợp người đó, người từ đủ 18 tuổi trở lên cùng chỗ ở cố tình vắng mặt, bỏ trốn hoặc vì lý do khác họ không có mặt mà việc khám xét không thể trì hoãn thì việc khám xét vẫn được tiến hành nhưng phải có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi khám xét và hai người chứng kiến.

Không được bắt đầu việc khám xét chỗ ở vào ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

BỘ TƯ PHÁP

ĐỀ ÁN ĐẨY MẠNH PHỔ BIẾN NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ CÁC QUYỀN DÂN SỰ, CHÍNH TRỊ VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CÁC QUYỀN DÂN SỰ, CHÍNH TRỊ CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NHÂN DÂN GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

MỘT SỐ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN BẤT KHẢ XÂM PHẠM VỀ CHỖ Ở

(theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015)



HÀ NỘI - 2018